

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 80/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG BỐ DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC
QUẢN LÝ NỢ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 16/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định 13 chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực quản lý nợ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Cục QLKT (20b).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Tạ Anh Tuấn

DANH MỤC

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ NỢ THUỘC PHẠM VI
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 80/QĐ-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài chính)

Phần I. DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

STT	Tên Báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
BÁO CÁO GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		
	Lĩnh vực quản lý nợ	
1	Bảng cân đối tài khoản nợ nước ngoài	Điều 32 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021
2	Báo cáo thực hiện vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ	Điều 32 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021
3	Báo cáo chi tiết theo kỳ hạn vay nợ của Chính phủ	Điều 32 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021
4	Thuyết minh báo cáo tình hình vay, trả nợ nước ngoài	Điều 32 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021
5	Báo cáo thực hiện vay, trả nợ trong nước theo đối tượng của Chính phủ	Điều 35 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021
6	Báo cáo tổng hợp thực hiện vay, trả nợ của chính quyền địa phương	Điều 35 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021
7	Báo cáo thực hiện vay, trả nợ trong nước theo hình thức vay của Chính phủ	Điều 35 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021
8	Báo cáo vay, trả nợ trong nước	Điều 35 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021
9	Báo cáo thực hiện vay, trả nợ nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	Điều 37 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021
10	Báo cáo thực hiện vay, trả nợ trong nước được Chính phủ bảo lãnh	Điều 37 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021

11	Báo cáo thực hiện vay về cho vay lại	Điều 39 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021
12	Báo cáo tình hình nợ công	Điều 41 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021
13	Báo cáo tổng hợp thực hiện vay, trả nợ của Chính phủ và chính quyền địa phương	Điều 41 Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021

Phần II. CHI TIẾT NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TẠI PHẦN I. DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

1. Bảng cân đối tài khoản nợ nước ngoài

1.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo tổng quát số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của các tài khoản kế toán vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ.

1.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

1.3. Cơ quan nhận báo cáo: Kho bạc Nhà nước Trung ương.

1.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

1.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 31/10 đối với báo cáo 06 tháng; trước 30/4 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

1.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

2. Báo cáo thực hiện vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ

2.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo tình hình vay, trả nợ nước ngoài bao gồm cả gốc, lãi, phí và chi phí đi vay của Chính phủ.

2.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

2.3. Cơ quan nhận báo cáo: Kho bạc Nhà nước Trung ương.

2.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

2.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 31/10 đối với báo cáo 06 tháng; trước 30/4 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

2.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

3. Báo cáo chi tiết theo kỳ hạn vay nợ của Chính phủ

3.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo chi tiết các khoản vay nợ của Chính phủ theo kỳ hạn vay ngắn hạn, trung và dài hạn.

3.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

3.3. Cơ quan nhận báo cáo: Kho bạc Nhà nước Trung ương.

3.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

3.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 31/10 đối với báo cáo 06 tháng; trước 30/4 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

3.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

4. Thuyết minh báo cáo tài chính

4.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo bổ sung thông tin chi tiết cho các thông tin được trình bày trên Bảng cân đối tài khoản nợ nước ngoài; Báo cáo thực hiện vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ; Báo cáo chi tiết theo kỳ hạn vay nợ của Chính phủ cũng như các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu.

4.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

4.3. Cơ quan nhận báo cáo: Kho bạc Nhà nước Trung ương.

4.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 1 năm.

4.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 31/10 đối với báo cáo 06 tháng; trước 30/4 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

4.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

5. Báo cáo thực hiện vay, trả nợ trong nước theo đối tượng của Chính phủ

5.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo tình hình vay, trả nợ trong nước của Chính phủ (bao gồm cả gốc, lãi, phí và chi phí đi vay) đối với các khoản vay nợ mà KBNN chưa có đủ thông tin hạch toán trên TABMIS.

5.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách nhà nước).

5.3. Cơ quan nhận báo cáo: Kho bạc nhà nước Trung ương.

5.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

5.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 31/10 đối với báo cáo 06 tháng; trước 30/4 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

5.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

6. Báo cáo tổng hợp thực hiện vay, trả nợ của chính quyền địa phương

6.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo tổng hợp tình hình vay, trả nợ (bao gồm cả gốc, lãi, phí và chi phí đi vay) của chính quyền địa phương theo từng tỉnh.

6.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Kho bạc nhà nước Trung ương.

6.3. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

6.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

6.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 31/10 đối với báo cáo 06 tháng; trước 30/4 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

6.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

7. Báo cáo thực hiện vay, trả nợ trong nước theo hình thức vay của Chính phủ

7.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện vay, trả nợ (bao gồm gốc, lãi, phí và chi phí đi vay) theo hình thức vay của Chính phủ.

7.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Kho bạc nhà nước Trung ương.

7.3. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

7.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

7.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 31/10 đối với báo cáo 06 tháng; trước 30/4 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

7.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

8. Báo cáo vay, trả nợ trong nước

8.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo tổng hợp tình hình vay và trả nợ các khoản nợ vay của Chính phủ và chính quyền địa phương.

8.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Kho bạc nhà nước Trung ương.

8.3. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

8.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

8.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 31/10 đối với báo cáo 06 tháng; trước 30/4 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

8.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

9. Báo cáo thực hiện vay, trả nợ nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh

9.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện vay, trả nợ nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh.

9.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

9.3. Cơ quan nhận báo cáo: Kho bạc nhà nước Trung ương.

9.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

9.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 31/10 đối với báo cáo 06 tháng; trước 30/4 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

9.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

10. Báo cáo thực hiện vay, trả nợ trong nước được Chính phủ bảo lãnh

10.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện vay, trả nợ trong nước được Chính phủ bảo lãnh.

10.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

10.3. Cơ quan nhận báo cáo: Kho bạc nhà nước Trung ương.

10.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

10.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 31/10 đối với báo cáo 06 tháng; trước 30/4 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

10.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

11. Báo cáo thực hiện vay về cho vay lại

11.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện vay về cho vay lại của Chính phủ.

11.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

11.3. Cơ quan nhận báo cáo: Kho bạc nhà nước Trung ương.

11.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

11.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 31/10 đối với báo cáo 06 tháng; trước 30/4 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

11.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

12. Báo cáo tình hình nợ công

12.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo tổng hợp tình hình nợ công của quốc gia, bao gồm nợ của Chính phủ; nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ của chính quyền địa phương.

12.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Kho bạc nhà nước Trung ương.

12.3. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

12.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

12.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 30/11 đối với báo cáo 06 tháng; trước 31/5 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

12.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

13. Báo cáo tổng hợp thực hiện vay, trả nợ của Chính phủ và chính quyền địa phương

13.1. Nội dung yêu cầu báo cáo: báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện vay, trả nợ của Chính phủ và chính quyền địa phương, bao gồm các khoản vay, trả nợ trong nước của Chính phủ; vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ; vay, trả nợ của chính quyền địa phương.

13.2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Kho bạc nhà nước Trung ương.

13.3. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại).

13.4. Tần suất thực hiện báo cáo: Báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm.

13.5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước 30/11 đối với báo cáo 06 tháng; trước 31/5 năm sau đối với báo cáo 01 năm (12 tháng).

13.6. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.